

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
Bảng cân đối kế toán riêng	7 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	13 - 63



Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0403000550 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 9 tháng 3 năm 2007, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 36 ngày 10 tháng 4 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán AAA từ tháng 11 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa (PP, PE), bao bì nhựa các loại, và mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam và Văn phòng đại diện tại Hà Nội: Tầng 16, tòa nhà PV Oil, số 148 đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Chủ tịch	
Ông Đinh Xuân Cường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Thành viên	
Bà Trần Thị Thoản	Thành viên	
Ông Phan Trí Nghĩa	Thành viên	
Bà Hòa Thị Thu Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2023

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Lê Trung	Tổng Giám đốc	
Bà Hòa Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Trần Thị Thoản	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Ngô Văn Thụ	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2023
Bà Lâm Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2024
Ông Nguyễn Xuân Cờ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2023

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Giang	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên
Bà Văn Thị Lan Anh	Thành viên

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này là Ông Nguyễn Lê Trung.

Bà Hòa Thị Thu Hà, Phó Tổng Giám đốc, được người đại diện theo pháp luật ủy quyền ký báo cáo tài chính theo Giấy ủy quyền số 1001/2022/UQ ngày 10 tháng 1 năm 2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

AN PHAT XANH

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đề ngày 29 tháng 3 năm 2024.

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.



Hòa Thị Thu Hà
Phó Tổng Giám đốc

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu: 61515943/E-67365267

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh ("Công ty") được lập ngày 29 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 7 đến trang 63, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

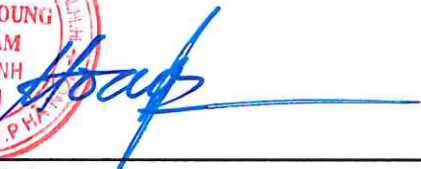
ĐÓNG
CÓ
T
ERNST
VIỆT
CHÍNH
HÀ
V KIỂM


Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội




Trinh Hoàng Anh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2071-2023-004-1


Ngô Thị Phương Nhung
Kiểm toán viên
Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 3069-2024-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.677.631.579.024	2.754.013.522.716
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	1.516.218.987.027	1.105.171.343.367
111	1. Tiền		1.109.790.439.543	933.921.980.707
112	2. Các khoản tương đương tiền		406.428.547.484	171.249.362.660
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	6	29.323.936.000	1.500.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		29.323.936.000	1.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		617.223.468.992	802.487.985.993
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	210.142.938.102	765.337.495.087
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	27.375.562.913	6.461.843.017
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	356.920.000.000	11.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	22.784.967.977	19.688.647.889
140	IV. Hàng tồn kho	10	501.439.424.725	834.287.059.383
141	1. Hàng tồn kho		501.439.424.725	834.287.059.383
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		13.425.762.280	10.567.133.973
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	5.857.492.079	2.466.875.965
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	16	7.565.782.701	1.621.458.616
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	2.487.500	6.478.799.392

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.902.588.384.112	4.719.611.893.006
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		16.048.819.081	14.564.469.081
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	15.000.000.000	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	1.048.819.081	14.564.469.081
220	II. Tài sản cố định		1.133.723.635.711	1.295.783.305.396
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	1.075.125.020.196	1.234.516.181.637
222	Nguyên giá		2.621.886.732.613	2.609.709.836.024
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.546.761.712.417)	(1.375.193.654.387)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	58.598.615.515	61.267.123.759
228	Nguyên giá		79.162.510.029	79.162.510.029
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(20.563.894.514)	(17.895.386.270)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		-	6.323.032.562
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	6.323.032.562
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	14	3.693.847.291.421	3.367.663.332.791
251	1. Đầu tư vào công ty con	14.1	2.807.566.671.231	2.407.746.671.231
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	14.2	1.143.203.927.841	1.161.023.927.841
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	14	(256.923.307.651)	(201.107.266.281)
260	V. Tài sản dài hạn khác		58.968.637.899	35.277.753.176
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	56.852.442.791	32.822.822.458
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.3	2.116.195.108	2.454.930.718
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		7.580.219.963.136	7.473.625.415.722

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.391.059.680.616	2.441.919.036.549
310	I. Nợ ngắn hạn		2.218.536.434.257	1.665.611.466.863
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	258.062.065.521	449.606.957.487
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	65.131.439.052	86.995.754.382
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	4.153.819.336	31.019.494
314	4. Phải trả người lao động		18.583.720.769	31.969.531.498
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	31.309.017.264	7.941.202.602
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	5.049.387.762	1.871.469.536
320	7. Vay ngắn hạn	19	1.834.486.295.842	1.072.573.478.696
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	1.760.688.711	14.622.053.168
330	II. Nợ dài hạn		172.523.246.359	776.307.569.686
338	1. Vay dài hạn	19	172.523.246.359	776.307.569.686
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.189.160.282.520	5.031.706.379.173
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	5.189.160.282.520	5.031.706.379.173
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		3.822.744.960.000	3.822.744.960.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.822.744.960.000	3.822.744.960.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		823.961.323.817	823.961.323.817
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		72.330.911.673	72.330.911.673
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		11.612.477.781	11.612.477.781
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		458.510.609.249	301.056.705.902
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		294.288.511.031	267.215.731.550
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		164.222.098.218	33.840.974.352
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		7.580.219.963.136	7.473.625.415.722



Đỗ Hoài Linh
Người lập



Nguyễn Thị Thùy Vân
Kế toán trưởng



Hòa Thị Thu Hà
Phó Tổng Giám đốc

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

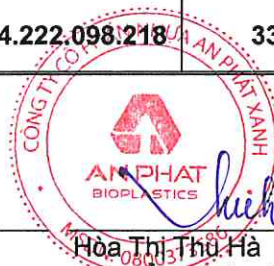
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	4.151.047.628.319	5.454.933.422.063
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(113.324.950)	(3.339.196.187)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	4.150.934.303.369	5.451.594.225.876
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(3.631.241.292.475)	(4.839.338.314.032)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		519.693.010.894	612.255.911.844
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	149.673.119.824	99.822.565.519
22	7. Chi phí tài chính	26	(191.913.520.607)	(320.169.911.729)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay (không bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)		(119.641.696.676)	(108.900.521.871)
25	8. Chi phí bán hàng	27	(188.950.499.426)	(259.977.057.417)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(76.828.312.841)	(67.172.584.370)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		211.673.797.844	64.758.923.847
31	11. Thu nhập khác	29	6.648.060.622	3.522.562.771
32	12. Chi phí khác	29	(4.572.217.135)	(258.584.573)
40	13. Lợi nhuận khác		2.075.843.487	3.263.978.198
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		213.749.641.331	68.022.902.045
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(49.188.807.503)	(36.636.858.411)
52	16. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	30.3	(338.735.610)	2.454.930.718
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		164.222.098.218	33.840.974.352



Đỗ Hoài Linh
Người lập



Nguyễn Thị Thùy Vân
Kế toán trưởng



Hòa Thị Thu Hà
Phó Tổng Giám đốc

Hải Dương, Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		213.749.641.331	68.022.902.045
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	12,13	185.073.341.697	181.252.072.193
03	Các khoản dự phòng		55.816.041.370	175.286.094.233
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.954.984.236)	(4.633.337.413)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(112.760.502.983)	(44.511.629.650)
06	Chi phí lãi vay (bao gồm chi phí phát hành trái phiếu và khoản vay)	25	126.683.081.636	114.207.720.619
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		466.606.618.815	489.623.822.027
09	Giảm các khoản phải thu		543.483.186.094	504.746.590.872
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		332.847.634.658	(362.188.907.714)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(202.044.517.362)	162.171.257.592
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(11.061.786.148)	21.207.012.828
14	Tiền lãi vay đã trả		(118.596.919.650)	(107.308.854.966)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(38.638.000.000)	(64.254.927.860)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	20	(19.629.559.328)	(26.745.031.776)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		952.966.657.079	617.250.961.003
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(18.929.442.568)	(13.419.910.549)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		3.070.141.601	4.584.545.454
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.045.293.936.000)	(36.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		656.550.000.000	25.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(382.000.000.000)	(1.266.655.607.247)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	400.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		92.649.716.859	44.672.457.506
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(693.953.520.108)	(1.241.418.514.836)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	669.755.200.000
33	Tiền thu từ đi vay		3.226.805.492.557	4.393.365.793.886
34	Tiền trả nợ gốc vay		(3.076.719.861.680)	(4.695.783.418.686)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(23.343.500)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		150.062.287.377	367.337.575.200
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		409.075.424.348	(256.829.978.633)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.105.171.343.367	1.363.568.545.921
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.972.219.312	(1.567.223.921)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	1.516.218.987.027	1.105.171.343.367

Đỗ Hoài Linh
Người lập

Nguyễn Thị Thùy Vân
Kế toán trưởng



Hòa Thị Thu Hà
Phó Tổng Giám đốc

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0403000550 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 9 tháng 3 năm 2007, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 36 ngày 10 tháng 4 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết và giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là AAA từ tháng 11 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa (PP, PE), bao bì nhựa các loại, và mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa.

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam và Văn phòng đại diện tại Hà Nội: Tầng 16, tòa nhà PV Oil, số 148 đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty An Phát Holdings”) là công ty mẹ cấp cao nhất của Công ty, Công ty An Phát Holdings và các công ty con sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.684 (ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.689 người).

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 11 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 9 công ty con) với chi tiết như sau :

STT	Công ty	31 tháng 12 năm 2023		31 tháng 12 năm 2022		Địa chỉ	Hoạt động chính
		Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)		
1	Công ty Cổ phần An Tiên Industries ("HI" hoặc "Công ty An Tiên")	54,85%	54,85%	54,85%	54,85%	Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, sản xuất phụ gia và bột đá
2	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát ("Công ty An Phát Complex")	93,04%	93,04%	92,02%	92,02%	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp
3	An Thanh Bicol Singapore PTE. Ltd. ("Công ty An Thành Singapore") (i)	54,85%	100%	54,85%	100%	Số 8, Temasek Boulevard # 44-00 Suntec Tower Three, Singapore	Kinh doanh hạt nhựa
4	Công ty Cổ phần An Thành Bicol ("Công ty An Thành") (i)	76,66%	99,69%	76,66%	99,69%	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Bán buôn chuyên doanh hạt nhựa PP, PE, PS, PVS, ABS,...
5	Công ty Cổ phần Liên vận An Tín ("Công ty An Tín") (i)	54,31%	99%	54,31%	99%	Lô CN11+CN 12, cụm Công nghiệp An Đông, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường ven biển và viên dương
6	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1 ("Công ty An Phát Complex 1") (i)	94,7%	99,99%	46,93%	51%	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Phát triển và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 11 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2022 : 9 công ty con) với chi tiết như sau: (tiếp theo)

<i>STT</i>	<i>Công ty</i>	<i>31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hoạt động chính</i>		
		<i>Tỷ lệ lợi ích (%)</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích (%)</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)</i>		
7	Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì An Vinh ("Công ty An Vinh")	99,95%	99,95%	99,95%	99,95%	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa
8	An Phát International, Inc.	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%	10701 Corporate Drive, Suite 268, Stafford, Texas 77477, USA	Đầu tư, kinh doanh các sản phẩm màng mỏng và các sản phẩm nhựa khác
9	AFC EcoPlastics, LLC.	75%	75%	75%	75%	PO Box 1831 Austin, Texas 78767, USA	Kinh doanh hạt nhựa
10	Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát ("Công ty PBAT") (i)	39,72%	55%	-	-	Lô CN5-04 Khu Phi thuế quan và Khu Công nghiệp Nam Đình Vũ thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Sản xuất sản phẩm từ nhựa và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh
11	Ankor Bioplastics Co., Ltd ("Công ty Ankor") (i)	20,26%	51%	-	-	216, Mummakongdan-gil, Mummaeup, Wonju-si, Gangwon-do, Republic of Korea (26362)	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, nhựa phân hủy

(i) Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết trong các công ty con này khác nhau do Công ty kiểm soát các công ty con này trực tiếp và/hoặc gián tiếp thông qua một số công ty con khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 14. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đề ngày 30 tháng 3 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ	-	Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
Thành phẩm và chi phí sản xuất. kinh doanh dở dang	-	Giá gốc thành phẩm, bán thành phẩm áp dụng phương pháp giá bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán riêng.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

30
 R
 C
 1/2/

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 10 năm
Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	8 - 25 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 12 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm
Quyền sử dụng đất	18 - 47 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- ▶ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng và thuê đất;
- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn; và
- ▶ Các chi phí khác.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

TR
DN
T
M

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Người mua trả tiền trước

Các khoản tiền khách hàng ứng trước để mua hàng hóa hoặc dịch vụ trong tương lai mà chưa đủ điều kiện để được ghi nhận là doanh thu trong năm được phản ánh trong tài khoản “Người mua trả tiền trước” trong phần nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ được trích lập theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các năm tài chính nhằm mục đích dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc bán các sản phẩm nhựa, bao bì nhựa các loại và kinh doanh thương mại các loại vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa, trong khi doanh thu từ các hoạt động khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty gồm hoạt động sản xuất, hoạt động kinh doanh thương mại và các hoạt động khác. Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của các tài sản của Công ty là ở Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận chi tiết theo khu vực địa lý.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

CÔNG TY CỔ PHẦN
 NHỰA AN PHÁT XANH
 T.P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG KỲ

4.1 *Mua Công ty PBAT*

Tại ngày 23 tháng 2 năm 2023, Công ty đã hoàn thành mua thêm 5.300.000 cổ phiếu của Công ty PBAT và tăng tỷ sở hữu của Công ty tại Công ty PBAT lên 21,15%.

Tại ngày 29 tháng 6 năm 2023, Công ty An Tiến - công ty con của Công ty đã hoàn tất giao dịch mua thêm 2.000.000 cổ phiếu của Công ty PBAT, nâng tỷ lệ sở hữu của công ty con này tại Công ty PBAT lên 33,85%. Theo đó, Công ty PBAT chính thức trở thành công ty con của Công ty do Công ty nắm tỷ lệ biểu quyết là 55%.

Công ty PBAT được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0202084468 được cấp lần đầu vào 18 tháng 1 năm 2021 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần sửa đổi sau đó với lần sửa đổi gần nhất vào ngày 13 tháng 1 năm 2023. Công ty này có trụ sở chính tại Lô CN5-04 Khu Phi thuế quan và Khu Công nghiệp Nam Đình Vũ thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam và có hoạt động chính là sản xuất nhựa và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh.

4.2 *Mua Công ty Ankor*

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty PBAT, công ty con của Công ty, đã hoàn thành mua 86.982 cổ phiếu của Công ty Ankor, tương ứng với tỷ lệ lợi ích là 47% từ một đối tác doanh nghiệp. Cũng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, đối tác này đã ủy quyền cho Công ty PBAT để thực hiện tất cả các quyền cổ đông của 6.691 cổ phần khác của Công ty Ankor, tương ứng với 4% quyền biểu quyết tại Công ty này. Theo đó, Công ty PBAT nắm tổng tỷ lệ biểu quyết tại Công ty Ankor là 51% và Công ty Ankor trở thành công ty con gián tiếp của Công ty kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Tại ngày 15 tháng 8 năm 2023, Công ty PBAT đã hoàn tất giao dịch mua thêm 6.691 cổ phiếu của Công ty Ankor, nâng tỷ lệ sở hữu của công ty con này tại PBAT lên 51%. Theo đó, Công ty PBAT nắm tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại Công ty Ankor là 51%.

Công ty Ankor được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn số 141211 - 0063473 được cấp lần đầu vào 17 tháng 12 năm 2012 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần sửa đổi sau đó với lần sửa đổi gần nhất vào ngày 24 tháng 7 năm 2023. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất và phát triển các sản phẩm sinh học phân hủy hoàn toàn, đồng thời triển khai trung tâm nghiên cứu và phát triển của Công ty An Phát trong lĩnh vực nguyên liệu và sản phẩm thân thiện với môi trường. Công ty này có trụ sở chính tại 216, Munmakgongdangil, Munmak-eup, thành phố Wonju, Gangwon-Do, Hàn Quốc.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	665.039.332	864.441.282
Tiền gửi ngân hàng	1.109.125.400.211	933.057.539.425
Các khoản tương đương tiền (*)	406.428.547.484	171.249.362.660
TỔNG CỘNG	1.516.218.987.027	1.105.171.343.367

(*) Các khoản tiền gửi bằng VND và USD tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng, với lãi suất tiền gửi bằng VND từ 3,2% đến 5,3%/năm và tiền gửi bằng USD là 0%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2022: tiền gửi bằng VND từ 5,1% đến 5,8%/năm và tiền gửi bằng USD là 0%/năm).

Một số khoản tiền gửi có kì hạn và tiền tại tài khoản thanh toán của Công ty với tổng giá trị là 31,9 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 19.

Công ty cũng có một khoản tiền thanh toán bị phong tỏa với tổng giá trị là 1,5 triệu USD (tương đương với 36,2 tỷ VND theo tỷ giá quy đổi tại ngày 31 tháng 12 năm 2023) đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán của Công ty An Phát International, Inc., là công ty con của Công ty, với một ngân hàng thương mại.

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND					
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
Tiền gửi						
có kỳ hạn (*)	29.323.936.000	29.323.936.000	-	1.500.000.000	1.500.000.000	-
TỔNG CỘNG	29.323.936.000	29.323.936.000	-	1.500.000.000	1.500.000.000	-

(*) Các khoản tiền gửi bằng VND và USD tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng, với lãi suất tiền gửi bằng VND từ 5,2% - 7%/năm và tiền gửi bằng USD là 0%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2022: tiền gửi bằng VND 4%/năm và không có tiền gửi bằng USD).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu từ khách hàng khác	180.354.023.953	187.778.183.410
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	<u>29.788.914.149</u>	<u>577.559.311.677</u>
TỔNG CỘNG	<u>210.142.938.102</u>	<u>765.337.495.087</u>

Một số khoản phải thu khách hàng đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngân hàng thương mại của Công ty tại Thuyết minh 19.

7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trả trước cho các bên khác	26.375.562.913	1.083.131.231
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	<u>1.000.000.000</u>	<u>5.378.711.786</u>
TỔNG CỘNG	<u>27.375.562.913</u>	<u>6.461.843.017</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA AN PHÁT XANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Cho vay các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 30</i>) (*)	356.920.000.000	11.000.000.000
TỔNG CỘNG	356.920.000.000	11.000.000.000
Dài hạn		
Cho vay các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 30</i>) (**)	15.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	15.000.000.000	-

(*) Thông tin chi tiết khoản phải thu về cho vay ngắn hạn bên liên quan như sau:

<i>Bên nhận vay</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Công ty An Phát Complex	Công ty con	257.980.000.000	Gốc và lãi thanh toán tại thời điểm đáo hạn từ ngày 2 tháng 8 năm 2024 đến ngày 12 tháng 12 năm 2024.	6,5% - 8,5%	Tin chấp
Công ty PBAT	Công ty con (Từ ngày 29 tháng 6 năm 2023)	98.940.000.000	Gốc và lãi thanh toán tại thời điểm đáo hạn từ ngày 8 tháng 2 năm 2024 đến ngày 3 tháng 5 năm 2024.	7% - 8,5%	Tin chấp
TỔNG CỘNG		356.920.000.000			

(**) Thông tin chi tiết khoản phải thu về cho vay dài hạn bên liên quan như sau:

<i>Bên nhận vay</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Công ty Cổ phần Nhựa Bao Bì An Vinh	Công ty con	15.000.000.000	Gốc và lãi thanh toán tại thời điểm đáo hạn ngày 15 tháng 12 năm 2025.	8%	Tin chấp
TỔNG CỘNG		15.000.000.000			



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Tạm ứng	716.808.520	-	10.399.014.200	-
Ký quỹ	2.010.187.111	-	6.599.562.505	-
Lãi dự thu	19.335.762.929	-	1.687.938.337	-
Phải thu khác	722.209.417	-	1.002.132.847	-
TỔNG CỘNG	22.784.967.977	-	19.688.647.889	-
<i>Trong đó:</i>				
Phải thu ngắn hạn khác	3.756.624.204	-	19.433.111.187	-
Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	19.028.343.773	-	255.536.702	-
Dài hạn				
Đặt cọc thuê văn phòng	350.576.081	-	350.576.081	-
Phải thu khác	698.243.000	-	14.213.893.000	-
TỔNG CỘNG	1.048.819.081	-	14.564.469.081	-

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Đơn vị tính: VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	75.165.665.694	-	108.018.016.756	-
Nguyên vật liệu	236.337.085.492	-	508.719.057.466	-
Công cụ, dụng cụ	21.401.425.834	-	23.221.960.248	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.588.020.358	-	5.114.654.886	-
Thành phẩm	109.206.490.703	-	78.840.194.993	-
Hàng hóa	49.149.103	-	-	-
Hàng gửi đi bán	53.691.587.541	-	110.373.175.034	-
TỔNG CỘNG	501.439.424.725	-	834.287.059.383	-

Hàng tồn kho của Công ty với giá trị 88,2 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 19.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.864.331.569	868.186.801
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	993.160.510	1.598.689.164
TỔNG CỘNG	<u>5.857.492.079</u>	<u>2.466.875.965</u>
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	12.873.197.906	4.324.635.200
Tiền thuê đất trả trước	37.713.833.205	25.793.667.817
Chi phí sửa chữa lớn	860.939.111	2.327.978.862
Chi phí lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy	4.852.123.019	-
Chi phí trả trước khác	552.349.550	376.540.579
TỔNG CỘNG	<u>56.852.442.791</u>	<u>32.822.822.458</u>

NS/VI
 CHI H.
 V.K/1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	Tài sản cố định hữu hình khác	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:							
Số đầu năm	757.034.959.399	1.650.569.947.411	155.103.463.870	7.843.412.734	15.501.270.000	23.656.782.610	2.609.709.836.024
- Mua trong năm	-	9.734.392.912	4.228.980.000	105.000.000	2.552.880.000	-	16.621.252.912
- Đầu tư XDCB hoàn thành	4.692.764.557	-	-	-	-	-	4.692.764.557
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(8.632.405.524)	-	-	(504.715.356)	(9.137.120.880)
Số cuối năm	761.727.723.956	1.660.304.340.323	150.700.038.346	7.948.412.734	18.054.150.000	23.152.067.254	2.621.886.732.613
Trong đó:							
Đã khấu hao hết	18.168.948.745	294.124.209.663	50.074.514.555	2.270.433.787	2.466.500.000	4.860.404.296	371.965.011.046
Giá trị khấu hao lũy kế:							
Số đầu năm	193.326.072.285	1.042.470.893.860	108.240.632.192	5.900.663.841	8.128.838.276	17.126.553.933	1.375.193.654.387
- Khấu hao trong năm	34.562.474.066	128.654.480.279	13.263.968.985	888.080.287	904.214.839	1.824.780.385	180.097.998.841
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(8.025.225.455)	-	-	(504.715.356)	(8.529.940.811)
Số cuối năm	227.888.546.351	1.171.125.374.139	113.479.375.722	6.788.744.128	9.033.053.115	18.446.618.962	1.546.761.712.417
Giá trị còn lại:							
Số đầu năm	563.708.887.114	608.099.053.551	46.862.831.678	1.942.748.893	7.372.431.724	6.530.228.677	1.234.516.181.637
Số cuối năm	533.839.177.605	489.178.966.184	37.220.662.624	1.159.668.606	9.021.096.885	4.705.448.292	1.075.125.020.196

Tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 1.075,1 tỷ VND của Công ty đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 19.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	78.087.072.029	1.075.438.000	79.162.510.029
Số cuối năm	78.087.072.029	1.075.438.000	79.162.510.029
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	284.500.000	284.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	17.414.138.554	481.247.716	17.895.386.270
- Hao mòn trong năm	2.532.803.640	135.704.604	2.668.508.244
Số cuối năm	19.946.942.194	616.952.320	20.563.894.514
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	60.672.933.475	594.190.284	61.267.123.759
Số cuối năm	58.140.129.835	458.485.680	58.598.615.515

Giá trị quyền sử dụng đất của Công ty với giá trị còn lại là 58,1 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 19.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (i)	Giá gốc	
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 14.1)	2.807.566.671.231	(256.923.307.651)		2.407.746.671.231	(i)
- Công ty An Tiến (iv)	407.298.831.231	-	216.584.510.880	407.298.831.231	(i)
- Công ty An Phát Complex (ii)	921.840.000.000	-	(i)	909.600.000.000	(i)
- Công ty An Phát Complex 1 (iii)	295.560.000.000	-	(i)	-	(i)
- Công ty An Vinh	461.395.540.000	-	(i)	461.395.540.000	(i)
- An Phát International, Inc.	455.040.300.000	(193.886.852.368)	(i)	455.040.300.000	(i)
- Công ty An Thành	174.412.000.000	(63.036.455.283)	(i)	174.412.000.000	(i)
- Công ty PBAT	92.020.000.000	-	(i)	-	(i)
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 14.2)	1.143.203.927.841	-		1.161.023.927.841	
- Công ty Nhựa Hà Nội (iv)	1.014.494.728.614	-	636.134.257.600	1.014.494.728.614	-
- Công ty Nhựa Bao bì Vinh	74.316.719.775	-	57.493.018.000	74.316.719.775	-
- Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ Phần mềm Nam Việt	54.392.479.452	-	(i)	54.392.479.452	(i)
- Công ty PBAT	-	-	(i)	17.820.000.000	(i)
TỔNG CỘNG	3.950.770.599.072	(256.923.307.651)		3.568.770.599.072	(201.107.266.281)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

(i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty An Tiến (mã chứng khoán giao dịch: HII), Công ty Nhựa Hà Nội (mã chứng khoán giao dịch: NHH) và Công ty Nhựa Bao bì Vinh (mã chứng khoán giao dịch: VBC) được xác định theo giá đóng cửa phiên giao dịch tại các ngày cuối kỳ kế toán trên sàn chứng khoán HOSE. Các khoản đầu tư này được Công ty đầu tư với mục đích nắm giữ lâu dài, kết quả kinh doanh không bị lỗ, không có dấu hiệu mất vốn, do đó Công ty không trích lập dự phòng.

Cổ phiếu của các công ty còn lại không được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Do đó, Ban Giám đốc Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

(ii) Trong năm, Công ty đã mua thêm 1.020.000 cổ phiếu Công ty An Phát Complex. Theo đó, năng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty An Phát Complex lên 93,04%.

(iii) Trong năm, Công ty đã mua 9.000.000 cổ phiếu Công ty An Phát Complex 1, theo đó, tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp của Công ty tại Công ty An Phát Complex 1 là 24% và nâng tổng tỷ lệ vốn nắm giữ gián tiếp và trực tiếp của Công ty tại Công ty An Phát Complex 1 lên 94,7%.

(iv) Công ty đã sử dụng 36.622.000 cổ phiếu Công ty An Tiến và 23.718.000 cổ phiếu Công ty Nhựa Hà Nội làm tài sản đảm bảo cho các khoản trái phiếu phát hành tại Thuyết minh 19.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng các khoản đầu tư dài hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	201.107.266.281	25.821.172.048
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	64.433.372.326	175.286.094.233
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(8.617.330.956)	-
Số cuối năm	<u>256.923.307.651</u>	<u>201.107.266.281</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các khoản đầu tư trực tiếp tại 7 công ty con với tỷ lệ như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 5).

Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty An Tiến	54,85%	54,85%	54,85%	54,85%
Công ty An Phát Complex	93,04%	93,04%	92,02%	92,02%
Công ty An Phát Complex 1	24%	99,99%	-	51%
Công ty An Vinh	99,95%	99,95%	99,95%	99,95%
An Phat International, Inc.	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
Công ty An Thành	48,69%	99,69%	48,69%	99,69%
Công ty PBAT	21,15%	55%	-	-

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin các khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội ("Công ty Nhựa Hà Nội")	Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa loại khuôn mẫu	47,44%	47,44%	47,44%	47,44%
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vĩnh ("Công ty Nhựa Bao bì Vĩnh")	Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh nhựa và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	34,84%	34,84%	34,84%	34,84%
Công ty Cổ phần giải pháp và dịch vụ phần mềm Nam Việt	BT4 lô E9 Vimexco, đường Phạm Hùng, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam	Xuất bản phần mềm	49%	49%	49%	49%
Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát ("Công ty PBAT")	Lô CN5-04 Khu Phi thuế quan và Khu Công nghiệp Nam Đình Vũ thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Sản xuất sản phẩm từ plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	-	-	3,24%	30,34%



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

15.1 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Phải trả người bán	237.534.280.479	237.534.280.479	402.750.885.879	402.750.885.879
Công ty Gulf Polymers Distribution FZCO	96.364.749.545	96.364.749.545	35.791.127.026	35.791.127.026
Chevron Phillips Chemicals Asia Pte Ltd	27.412.800.880	27.412.800.880	15.215.124.278	15.215.124.278
Khác	113.756.730.054	113.756.730.054	351.744.634.575	351.744.634.575
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	20.527.785.042	20.527.785.042	46.856.071.608	46.856.071.608
TỔNG CỘNG	258.062.065.521	258.062.065.521	449.606.957.487	449.606.957.487

15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Người mua trả tiền trước khác	57.440.158.533	57.440.158.533	52.519.986.275	52.519.986.275
Trả trước từ bên liên quan (Thuyết minh số 30)	7.691.280.519	7.691.280.519	34.475.768.107	34.475.768.107
TỔNG CỘNG	65.131.439.052	65.131.439.052	86.995.754.382	86.995.754.382

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	42.710.008.111	(38.638.000.000)	4.072.008.111
Thuế giá trị gia tăng	-	16.900.795.455	(16.900.795.455)	-
Thuế thu nhập cá nhân	31.019.494	506.448.039	(493.374.318)	44.093.215
Thuế xuất nhập khẩu	-	2.586.413.508	(2.586.413.508)	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	789.530.940	(789.530.940)	-
Thuế nhà thầu	-	32.681.332.595	(32.643.614.585)	37.718.010
Các loại thuế khác	-	108.500	(108.500)	-
TỔNG CỘNG	31.019.494	96.174.637.148	(92.051.837.306)	4.153.819.336
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.478.799.392	-	(6.478.799.392)	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	2.487.500	-	2.487.500
Thuế giá trị gia tăng	1.621.458.616	153.121.033.305	(147.176.709.220)	7.565.782.701
TỔNG CỘNG	8.100.258.008	153.123.520.805	(153.655.508.612)	7.568.270.201

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu phải trả	8.985.979.628	7.941.202.602
Trích trước lương tháng 13	18.208.181.745	-
Chi phí khác	4.114.855.891	-
TỔNG CỘNG	31.309.017.264	7.941.202.602

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả bên liên quan (<i>Thuyết minh số 30</i>)	4.566.576.078	698.049.993
Kinh phí công đoàn	-	152.363.100
Cổ tức phải trả	109.328.043	132.671.543
Phải trả khác	373.483.641	888.384.900
TỔNG CỘNG	5.049.387.762	1.871.469.536

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ

Thuyết minh	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn								
Vay ngân hàng	907.177.451.299	907.177.451.299	3.226.805.492.557	(2.897.868.504.789)	1.001.477.982	1.237.115.917.049	1.237.115.917.049	
Vay dài hạn đến hạn trả	165.396.027.397	165.396.027.397	129.745.000.011	(165.396.027.397)	-	129.745.000.011	129.745.000.011	
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	-	-	467.625.378.782	-	-	467.625.378.782	467.625.378.782	
TỔNG CỘNG	1.072.573.478.696	1.072.573.478.696	3.824.175.871.350	(3.063.264.532.186)	1.001.477.982	1.834.486.295.842	1.834.486.295.842	
Vay dài hạn								
Vay ngân hàng	311.531.736.356	311.531.736.356	-	(139.008.489.997)	-	172.523.246.359	172.523.246.359	
Trái phiếu phát hành	464.775.833.330	464.775.833.330	2.849.545.452	(467.625.378.782)	-	-	-	
TỔNG CỘNG	776.307.569.686	776.307.569.686	2.849.545.452	(606.633.868.779)	-	172.523.246.359	172.523.246.359	
TỔNG CỘNG	1.848.881.048.382	1.848.881.048.382	3.827.025.416.802	(3.669.898.400.965)	1.001.477.982	2.007.009.542.201	2.007.009.542.201	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.1 Vay ngân hàng ngắn hạn

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Kỳ hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ		
Các khoản vay ngân hàng bằng VND	845.534.388.788	845.534.388.788 VND	2.6% - 5.5%	(i)
Các khoản vay ngân hàng bằng USD	391.581.528.261	16.035.279 USD	3.4% - 4.9%	(i)
TỔNG CỘNG	1.237.115.917.049			

(i) Tài sản đảm bảo bao gồm:

- Các khoản tiền gửi bằng VND và USD với tổng giá trị là 19,7 tỷ VND tại các ngân hàng thương mại;
- Khoản tiền gửi không kỳ hạn 12,1 tỷ VND tương đương 10% số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 tại Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) - CN Hà Nội và Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam);
- 2.500.000 cổ phiếu của Công ty An Phát Holdings thuộc sở hữu của một đối tác doanh nghiệp của Công ty An Phát Holdings;
- Bảo lãnh cá nhân của một số lãnh đạo chủ chốt của Công ty An Phát Holdings và lãnh đạo của Công ty;
- Các khoản phải thu hình thành từ vốn vay Ngân hàng Đầu tư và phát triển Hải Dương theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng;
- Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất trị giá 88,2 tỷ VND tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Dương;
- Tài sản, nguồn thu hình thành từ toàn bộ hoặc một phần từ phương án Ngân hàng TMCP Quân đội tài trợ;
- Toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc Nhà máy 5; và
- Một số phương tiện vận tải, máy móc thiết bị, và một số tài sản khác.

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.2 Vay ngân hàng dài hạn

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Kỳ hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Các khoản vay ngân hàng bằng VND	302.268.246.370	Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ. Lãi vay trả hàng tháng. Ngày đáo hạn cuối cùng vào tháng 6 năm 2026.	5,55% - 10%	(ii)
TỔNG CỘNG	302.268.246.370			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	129.745.000.011			
Vay dài hạn	172.523.246.359			

(ii) Tài sản đảm bảo bao gồm:

- Các khoản phải thu hình thành từ vốn vay ngân hàng Đầu tư và phát triển Hải Dương theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng;
- Toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc Nhà máy 6 và Nhà máy 8;
- Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY737232, CY338692, CY338691 tại Lô CN11+CN1, cụm Công nghiệp An Đông, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam; và
- Một số phương tiện vận tải, máy móc thiết bị khác và một số tài sản khác;

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.3 Trái phiếu phát hành

Bên mua trái phiếu	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam	120.000.000.000	Đáo hạn vào tháng 11 năm 2024. Lãi trả định kỳ 6 tháng 1 lần vào tháng 5 và tháng 11 hàng năm.	8%	Tài sản đảm bảo là các tài sản theo các hợp đồng cầm cố cổ phần liên quan. Cụ thể:
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Phạm Hùng	150.000.000.000		-	12.240.000 cổ phần của Công An Phát Holdings thuộc sở hữu của một đối tác doanh nghiệp là cổ đông lớn của Công ty An Phát Holdings;
Ngân hàng Daegu – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	100.000.000.000		-	16.472.000 cổ phần của Công ty thuộc sở hữu của Công ty An Phát Holdings;
Ngân hàng Keb Hana – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	100.000.000.000		-	23.718.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội ("Công ty Nhựa Hà Nội") thuộc sở hữu của Công ty; và
Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ	(2.374.621.218)		-	36.622.000 cổ phần của Công ty An Tiến thuộc sở hữu của Công ty.

TỔNG CỘNG

467.625.378.782

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	14.622.053.168	3.819.443.488
Trích quỹ trong năm (*)	6.768.194.871	37.547.641.456
Sử dụng trong năm	<u>(19.629.559.328)</u>	<u>(26.745.031.776)</u>
Số cuối năm	<u>1.760.688.711</u>	<u>14.622.053.168</u>

(*) Trong năm, Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ phục vụ công tác điều hành, cộng đồng theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông như trình bày tại Thuyết minh số 21.1.

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Năm trước						<i>Tổng cộng</i>
Số đầu năm	3.264.344.960.000	712.606.123.817	72.330.911.673	11.612.477.781	304.763.373.006	4.365.657.846.277
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	33.840.974.352	33.840.974.352
- Tăng vốn	558.400.000.000	111.355.200.000	-	-	-	669.755.200.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(37.547.641.456)	(37.547.641.456)
Số cuối năm	3.822.744.960.000	823.961.323.817	72.330.911.673	11.612.477.781	301.056.705.902	5.031.706.379.173
Năm nay						
Số đầu năm	3.822.744.960.000	823.961.323.817	72.330.911.673	11.612.477.781	301.056.705.902	5.031.706.379.173
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	164.222.098.218	164.222.098.218
- Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(6.768.194.871)	(6.768.194.871)
Số cuối năm	3.822.744.960.000	823.961.323.817	72.330.911.673	11.612.477.781	458.510.609.249	5.189.160.282.520

(*) Công ty đã thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2022 theo Nghị quyết số 150501/2023/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ngày 15 tháng 5 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	3.822.744.960.000	3.264.344.960.000
Tăng vốn trong năm	-	558.400.000.000
Số cuối năm	<u>3.822.744.960.000</u>	<u>3.822.744.960.000</u>
Cổ tức đã công bố	-	-

21.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Cổ phiếu đăng ký phát hành	382.274.496	3.822.744.960.000	382.274.496	3.822.744.960.000
Cổ phiếu phổ thông	382.274.496	3.822.744.960.000	382.274.496	3.822.744.960.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	382.274.496	3.822.744.960.000	382.274.496	3.822.744.960.000
Cổ phiếu phổ thông	382.274.496	3.822.744.960.000	382.274.496	3.822.744.960.000
Cổ phiếu đang lưu hành	382.274.496	3.822.744.960.000	382.274.496	3.822.744.960.000
Cổ phiếu phổ thông	382.274.496	3.822.744.960.000	382.274.496	3.822.744.960.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10.000 VND/cổ phiếu).

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Ngoại tệ các loại</i>		
Đô la Mỹ – USD	38.792.771	13.631.471
Đồng Euro – EUR	1.861	1.557
Bảng Anh – GBP	74	93

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	4.151.047.628.319	5.454.933.422.063
Trong đó:		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	3.571.688.971.311	3.775.001.008.970
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	562.135.135.563	1.663.808.601.387
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	17.223.521.445	16.123.811.706
Các khoản giảm trừ doanh thu	(113.324.950)	(3.339.196.187)
Trong đó:		
<i>Giảm giá hàng bán</i>	(105.404.950)	(329.050.130)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(7.920.000)	(3.010.146.057)
Doanh thu thuần	4.150.934.303.369	5.451.594.225.876
Trong đó:		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	3.571.575.646.361	3.771.661.812.783
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	562.135.135.563	1.663.808.601.387
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	17.223.521.445	16.123.811.706
Trong đó:		
<i>Doanh thu từ bên khác</i>	3.597.746.939.313	3.633.043.912.358
<i>Doanh thu từ bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 31)</i>	553.187.364.056	1.818.550.313.518

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	78.682.310.251	37.783.372.774
Lãi chênh lệch tỷ giá	39.375.578.373	57.307.739.093
Cổ tức được nhận	31.615.231.200	4.731.453.652
TỔNG CỘNG	149.673.119.824	99.822.565.519

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán thành phẩm	3.052.003.505.373	3.142.270.334.149
Giá vốn bán hàng hóa	578.124.291.409	1.697.067.979.883
Giá vốn dịch vụ	1.113.495.693	-
TỔNG CỘNG	3.631.241.292.475	4.839.338.314.032

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	119.641.696.676	108.900.521.871
Lỗ chênh lệch tỷ giá	9.391.670.328	30.676.096.877
Chi phí phát hành trái phiếu và khoản vay	7.041.384.960	5.307.198.748
Dự phòng đầu tư tài chính	55.816.041.370	175.286.094.233
Chi phí khác	22.727.273	-
TỔNG CỘNG	<u>191.913.520.607</u>	<u>320.169.911.729</u>

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí vận chuyển và xuất nhập khẩu	96.983.321.386	236.016.801.868
Chi phí quảng cáo và hoa hồng bán hàng	65.712.005.002	1.167.607.183
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.491.327.374	10.427.604.126
Chi phí nhân viên bán hàng	7.336.053.422	5.602.947.656
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.340.731.411	4.489.570.105
Chi phí khác	1.087.060.831	2.272.526.479
TỔNG CỘNG	<u>188.950.499.426</u>	<u>259.977.057.417</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	24.934.729.803	22.810.949.479
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.436.822.366	14.851.357.457
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.479.269.813	16.102.498.364
Thuế, phí và lệ phí	5.356.623.262	7.525.148.857
Chi phí khác	6.620.867.597	5.882.630.213
TỔNG CỘNG	<u>76.828.312.841</u>	<u>67.172.584.370</u>

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên vật liệu	2.470.885.208.305	2.616.697.210.606
Chi phí nhân công	276.780.814.974	259.398.328.267
Chi phí khấu hao tài sản cố định	185.073.341.697	181.252.072.193
Chi phí dịch vụ mua ngoài	346.571.891.660	441.465.159.245
Chi phí khác	13.742.630.386	11.642.613.699
TỔNG CỘNG	<u>3.293.053.887.022</u>	<u>3.510.455.384.010</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THU NHẬP, CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	6.648.060.622	3.522.562.771
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.462.961.532	1.996.803.224
Tiền phạt thu được	2.950.995.570	-
Các khoản khác	1.234.103.520	1.525.759.547
Chi phí khác	4.572.217.135	258.584.573
Chi phí bồi thường	4.466.969.727	-
Các khoản khác	105.247.408	258.584.573
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	<u>2.075.843.487</u>	<u>3.263.978.198</u>

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế trừ những trường hợp sau:

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	49.188.807.503	36.636.858.411
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	338.735.610	(2.454.930.718)
TỔNG CỘNG	<u>49.527.543.113</u>	<u>34.181.927.693</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	213.749.641.331	68.022.902.045
<i>Thu nhập chịu mức thuế suất 20%</i>	<i>213.749.641.331</i>	<i>68.022.902.045</i>
Thuế TNDN theo các mức thuế suất áp dụng cho Công ty	42.749.928.265	13.604.580.409
<i>Trong đó:</i>		
<i>Thuế suất thuế TNDN 20%</i>	<i>42.749.928.265</i>	<i>13.604.580.409</i>
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí dự phòng không được trừ	12.886.674.466	20.726.461.599
Cổ tức được nhận	(6.323.046.240)	(946.290.731)
Các khoản điều chỉnh khác	213.986.622	797.176.416
Chi phí thuế TNDN	49.527.543.113	34.181.927.693

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Chênh lệch kỳ ghi nhận doanh thu và giá vốn cho mục đích tính thuế TNDN	1.316.838.535	1.258.758.702	58.079.833	(1.258.758.702)
Lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá khoản mục tiền và phải thu	799.356.573	1.196.172.016	(396.815.443)	(1.196.172.016)
	2.116.195.108	2.454.930.718		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh riêng			(338.735.610)	(2.454.930.718)

29.4 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do không ước tính chắc chắn của thu nhập tính thuế trong tương lai:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
<i>Các chênh lệch tạm thời, trong đó:</i>	
Dự phòng khoản đầu tư ra nước ngoài	236.095.876.065
TỔNG CỘNG	236.095.876.065

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác có giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty An Phát Holdings”)	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần An Tiến Industries (“Công ty An Tiến”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát (“Công ty An Phát Complex”)	Công ty con
An Thanh Bicsol Singapore PTE. Ltd. (“Công ty An Thành Singapore”)	Công ty con
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol (“Công ty An Thành”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Liên vận An Tín (“Công ty An Tín”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1 (“Công ty An Phát Complex 1”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì An Vinh (“Công ty An Vinh”)	Công ty con
An Phat International, Inc.	Công ty con
AFC EcoPlastics, LLC.	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội (“Công ty Nhựa Hà Nội”)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần nhựa. bao bì Vinh (“Công ty nhựa. bao bì Vinh”)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt (“Công ty Nam Việt”)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam (“Công ty Sunrise”)	Công ty liên kết của công ty con
Công ty Cổ phần dịch vụ xăng dầu An Đông (“Công ty An Đông”)	Công ty liên kết của công ty con
Công ty Cổ phần Ancop (“Công ty Ancop”)	Công ty liên kết của công ty con
Công ty Cổ Phần Dịch vụ Suất ăn Công nghiệp An Phát (“Công ty Suất ăn An Phát”)	Công ty liên kết của công ty con
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường (“Công ty An Cường”)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH An Trung Industries (“Công ty An Trung”)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư Viexim (“Công ty Viexim”)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam (“Công ty VMC”)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát (“Công ty PBAT”)	Công ty con (Từ ngày 29 tháng 6 năm 2023)
Ankor Bioplastics Co., Ltd (“Công ty Ankor”)	Công ty con (Từ ngày 30 tháng 6 năm 2023)
Công ty Cổ phần Anbio (“Công ty Anbio”)	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác có giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Nguyễn Lê Thăng Long Ông Phạm Ánh Dương Ông Đinh Xuân Cường	Chủ tịch HĐQT Lãnh đạo chủ chốt của công ty APH Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2023)
Bà Nguyễn Thị Tiệp Bà Trần Thị Thoản Ông Phan Trí Nghĩa	Thành viên HĐQT Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2022)
Ông Nguyễn Lê Trung Ông Ngô Văn Thụ	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2023)
Bà Hòa Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2023)/Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Cờ	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2023)
Bà Lâm Thị Hiền Bà Nguyễn Thị Giang Bà Nguyễn Thị Phượng Bà Văn Thị Lan Anh	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2024) Trưởng Ban kiểm soát Thành viên Ban kiểm soát Thành viên Ban kiểm soát

CÔNG TY CỔ PHẦN
 NHỰA AN PHÁT XANH
 CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ
 CỦA BAN KIỂM SOÁT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty An Phát Holdings	Công ty mẹ	Nhận chuyển nhượng cổ phần	74.200.000.000	370.134.030.000
		Thanh toán tiền chuyển nhượng cổ phần	74.200.000.000	370.134.030.000
		Mua hàng hóa dịch vụ	2.664.046.267	8.714.890.758
		Thanh toán chi phí dịch vụ tư vấn	2.895.317.872	9.539.332.576
		Nhận vốn góp	-	489.600.000.000
Công ty An Thành	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	370.715.939.850	1.120.628.869.002
		Thu tiền hàng	790.495.740.026	1.027.361.716.763
		Mua hàng hóa và dịch vụ	144.729.779.476	365.245.395.870
		Thanh toán tiền hàng	150.887.328.676	369.023.068.172
		Góp vốn	-	107.212.000.000
		Lãi quá hạn thanh toán	-	3.632.388.359
Công ty An Thành Singapore	Công ty con	Mua hàng hóa	58.775.121.300	290.422.877.790
		Thanh toán tiền hàng	76.916.881.177	248.230.940.704
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.191.393.738	104.304.331.319
		Thu tiền hàng	26.358.340.388	330.226.247.839
		Lãi quá hạn thanh toán	-	3.952.014.564
Công ty An Vinh	Công ty con	Cho vay	22.800.000.000	-
		Thu hồi gốc vay	7.800.000.000	-
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.623.272.504	49.532.923.615
		Thu tiền hàng	23.516.178.258	44.571.032.573
		Cổ tức được chia	8.596.000.000	-
		Nhận cổ tức bằng tiền	8.596.000.000	-
		Thanh toán tiền hàng	3.058.178.665	2.081.180.220
Công ty An Tiến	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	44.809.099.168	32.235.126.388
		Thu tiền hàng và dịch vụ	22.561.518.080	69.630.610.216
		Mua hàng hóa	80.259.878.499	77.769.471.355
		Thanh toán tiền hàng	82.431.002.760	85.831.373.064
		Góp vốn	-	186.037.790.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
An Phát International Inc.	Công ty con	Mua hàng hóa	51.622.466.427	1.889.600
		Thanh toán tiền hàng	51.601.411.663	-
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.660.454.223	176.888.821.110
		Thu tiền hàng	44.446.266.755	233.412.879.455
		Góp vốn	-	227.805.000.000
Công ty An Tín	Công ty con	Mua hàng hóa dịch vụ	70.803.232.891	219.215.974.511
		Thanh toán tiền hàng và phí dịch vụ	76.482.020.170	246.145.450.958
Công ty An Phát Complex	Công ty con	Cho vay	536.465.000.000	31.000.000.000
		Lãi cho vay	14.812.136.575	23.630.137
		Thu hồi gốc vay	289.485.000.000	20.000.000.000
		Thu tiền lãi cho vay	2.572.527.396	-
		Gốc BCC đã thu	-	210.000.000.000
AFC Ecoplastics, LLC.	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.991.698.021	41.836.779.316
		Thu tiền hàng và dịch vụ	26.220.978.264	43.429.098.349
Công ty PBAT	Công ty con (Từ ngày 29 tháng 6 năm 2023)	Cho vay	98.940.000.000	-
		Lãi cho vay	6.014.336.439	4.703.974.200
		Mua xe	1.000.000.000	-
		Thanh toán tiền mua xe	1.000.000.000	-
Công ty Ankor	Công ty con (Từ ngày 30 tháng 6 năm 2023)	Mua dịch vụ	5.059.836.325	105.220.500
		Thanh toán tiền hàng	1.926.615.137	-
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.269.377.600	15.670.293.760
		Thu tiền hàng và dịch vụ	4.111.986.960	12.654.240.510
Công ty An Cường	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	40.502.199.118	238.426.719.344
		Thu tiền hàng và dịch vụ	161.885.841.157	241.226.017.638
Công ty Nhựa Hà Nội	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	17.286.257.000	-
		Nhận cổ tức bằng tiền	17.286.257.000	-
		Góp vốn	-	274.293.855.000
Công ty Sunrise	Công ty liên kết của công ty con	Mua hàng hóa dịch vụ	69.235.035.683	84.451.210.927
		Thu tiền hàng và dịch vụ	13.232.929.468	8.533.588.067
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.567.031.539	7.854.094.740
		Thanh toán tiền hàng	95.836.144.672	69.306.095.570

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Anbio	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Mua hàng hóa dịch vụ	18.523.800.080	3.990.003.217
		Thanh toán tiền hàng	18.146.087.155	7.678.981.926
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	37.957.060	23.135.253.583
		Thu tiền hàng	40.993.625	21.614.333.966
Công ty Nhựa Bao bì Vinh	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	4.703.974.200	4.703.974.200
		Nhận tiền cổ tức	4.703.974.200	4.703.974.200
Công ty Cổ Phần Dịch vụ Suất ăn Công nghiệp An Phát	Công ty liên kết của công ty con (Kể từ tháng 11 năm 2022)	Mua hàng hóa dịch vụ	17.836.100.301	4.172.130.652
		Thanh toán tiền hàng	19.275.991.912	3.027.571.400
Công ty Nam Việt	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	1.029.000.000	27.479.452
		Nhận cổ tức bằng tiền	1.029.000.000	27.479.452
Ông Phạm Ánh Dương	Lãnh đạo chủ chốt của công ty APH	Tạm ứng	1.681.477.886	4.761.994.126
		Hoàn ứng	1.273.484.589	6.132.375.090



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Ngoại trừ khoản phải thu về cho vay có lãi suất, số dư các khoản phải thu, phải trả, tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty do các khoản này còn trong hạn thanh toán (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7.1)</i>				
Công ty An Thành	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ cho thuê xe và cho thuê kho	19.865.316.374	402.574.067.084
Công ty An Cường	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa và dịch vụ cho thuê xe	-	117.425.383.022
Công ty Sunrise	Công ty liên kết của công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ cho thuê kho	1.180.802.777	2.823.493.845
An Phát International, Inc.	Công ty con	Bán hàng hóa	2.407.756.792	26.207.500.618
Công ty An Vinh	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ cho thuê xe	557.763.926	13.562.933.790
Công ty Ankor	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Bán hàng hóa	5.088.104.000	8.184.885.120
Công ty cổ phần ANBIO	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Bán hàng hóa và cho thuê kho	-	4.521.708.348
Công ty An Thành Singapore	Công ty con	Bán hàng hóa	-	2.166.946.650
Công ty An Phát Holdings	Công ty mẹ	Bán hàng hóa và dịch vụ cho thuê xe	442.750.000	-
Bên liên quan khác		Bán hàng hóa và dịch vụ cho thuê	246.420.280	92.393.200
			29.788.914.149	577.559.311.677

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 7)</i>				
Công ty cổ phần ANBIO	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Mua hàng hóa	-	3.228.690.598
Công ty Ankor Bioplastics	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Mua hàng hóa	-	2.150.021.188
Công ty PBAT	Công ty con (Từ ngày 29 tháng 6 năm 2023)	Mua hàng hóa	1.000.000.000	-
			1.000.000.000	5.378.711.786
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 8)</i>				
Công ty An Phát Complex	Công ty con	Cho vay	257.980.000.000	11.000.000.000
Công ty PBAT	Công ty con (Từ ngày 29 tháng 6 năm 2023)	Cho vay	98.940.000.000	-
			356.920.000.000	11.000.000.000
<i>Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 8)</i>				
Công ty Cổ Phần Nhựa Bao Bì An Vinh	Công ty con	Cho vay	15.000.000.000	-
			15.000.000.000	-
<i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 9)</i>				
Công ty An Phát Complex	Công ty con	Lãi phải thu	12.263.239.316	23.630.137
Công ty PBAT	Công ty con (Từ ngày 29 tháng 6 năm 2023)	Lãi phải thu	6.014.336.439	-
Ông Phạm Ánh Dương	Lãnh đạo chủ chốt của công ty APH	Phải thu từ chi trả hộ và tạm ứng	479.095.283	71.101.986
Bên liên quan khác		Phải thu khác	271.672.735	160.804.579
			19.028.343.773	255.536.702

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 15.1)</i>				
Công ty Sunrise	Công ty liên kết của công ty con	Mua hàng hóa	3.547.238.528	23.490.677.650
Công ty An Thành	Công ty con	Mua hàng hóa	8.314.992.751	-
Công ty An Thành Singapore	Công ty con	Mua hàng hóa	-	18.158.433.300
Công ty An Tín	Công ty con	Mua dịch vụ vận tải	1.666.946.167	3.935.145.162
Công ty Cổ Phần Dịch vụ Suất ăn Công nghiệp An Phát	Công ty liên kết của công ty con (Kể từ tháng 11 năm 2022)	Mua hàng hóa	1.337.120.160	1.186.368.360
Công ty An Tiến	Công ty con	Mua hàng hóa	5.642.389.823	-
Bên liên quan khác		Mua hàng hóa và dịch vụ	19.097.613	85.447.136
			20.527.785.042	46.856.071.608
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 15.2)</i>				
Công ty An Tiến	Công ty con	Bán hàng hóa	7.663.245.643	34.361.417.982
AFC Ecoplastics, LLC.	Công ty con	Bán hàng hóa	28.034.876	114.350.125
			7.691.280.519	34.475.768.107
<i>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 18)</i>				
Công ty An Tín	Công ty con	Chi phí chi trả hộ	4.566.576.078	591.374.919
Công ty An Thành	Công ty con	Mua dịch vụ	-	106.675.074
			4.566.576.078	698.049.993



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm:

Đơn vị tính: VND

<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2022)	-	90.000.000
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Chủ tịch HĐQT (từ ngày 20 tháng 6 năm 2022)	180.000.000	150.000.000
Ông Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2022)/Tổng giám đốc	781.054.923	684.719.153
Bà Hòa Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2023)/Phó Tổng Giám đốc	658.665.691	503.696.058
Bà Trần Thị Thoản	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	763.066.886	674.675.838
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Phan Trí Nghĩa	Thành viên HĐQT	120.000.000	60.000.000
Ông Đinh Xuân Cường	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm từ ngày 15 tháng 5 năm 2023)	10.000.000	120.000.000
Bà Lâm Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc	408.484.023	470.615.498
Ông Ngô Văn Thụ	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 1 tháng 6 năm 2023)	-	110.646.769
Ông Nguyễn Xuân Cờ	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2023)	134.601.692	-
TỔNG CỘNG		<u>3.175.873.215</u>	<u>2.984.353.316</u>

Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát trong năm:

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát	264.000.000	264.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của các tài sản của Công ty là ở Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận chi tiết theo khu vực địa lý.

- ▶ Bộ phận sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa, bao bì nhựa các loại;
- ▶ Bộ phận kinh doanh thương mại các loại vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa; và
- ▶ Bộ phận kinh doanh các dịch vụ khác gồm cho thuê nhà xưởng, kho bãi, và một số dịch vụ khác.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính riêng.

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày	Hoạt động kinh doanh		Đơn vị tính: VND
	Hoạt động sản xuất	Điều chỉnh	
Doanh thu	Hoạt động sản xuất	Hoạt động khác	Tổng cộng
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	3.571.575.646.361	17.223.521.445	4.150.934.303.369
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	3.571.575.646.361	17.223.521.445	4.150.934.303.369
Tổng doanh thu	519.572.140.988	16.110.025.752	519.693.010.894
Kết quả			(305.943.369.570)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế của bộ phận			213.749.641.331
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)			(49.188.807.503)
Lợi nhuận thuần trước thuế			164.222.098.218
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			-
Lợi nhuận thuần sau thuế			738.960.018.540
Tài sản và công nợ			6.841.259.944.596
Tài sản bộ phận	642.654.526.006	1.000.603.660	7.580.219.963.136
Tài sản không phân bổ (ii)			323.195.597.366
Tổng tài sản	272.940.208.262	349.383.655	2.067.864.083.250
Công nợ bộ phận			2.391.059.680.616
Công nợ không phân bổ (iii)			
Tổng công nợ			

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

	Hoạt động sản xuất kết thúc cùng ngày	Hoạt động kinh doanh thương mại	Hoạt động khác	Điều chỉnh và loại trừ	Đơn vị tính: VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày					
Doanh thu					
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	3.771.661.812.783	1.663.808.601.387	16.123.811.706		5.451.594.225.876
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận					
Tổng doanh thu	3.771.661.812.783	1.663.808.601.387	16.123.811.706		5.451.594.225.876
Kết quả					
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	629.411.957.100	(33.192.652.859)	16.036.607.603		612.255.911.844
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)					(544.233.009.799)
Lợi nhuận thuần trước thuế					68.022.902.045
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(34.181.927.693)
Lợi nhuận thuần sau thuế					33.840.974.352
Tài sản và công nợ					-
Tài sản bộ phận	1.103.056.793.741	500.766.016.775	2.263.586.971		1.606.086.397.487
Tài sản không phân bổ (ii)					5.867.539.018.235
Tổng tài sản					7.473.625.415.722
Công nợ bộ phận	352.125.605.433	184.219.804.974	257.301.462		536.602.711.869
Công nợ không phân bổ (iii)					1.905.316.324.680
Tổng công nợ					2.441.919.036.549

- (i) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, thu nhập khác và chi phí khác.
- (ii) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm tiền và tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu về cho vay, phải thu khác, chi phí trả trước, thuế GTGT được khấu trừ và đầu tư tài chính dài hạn.
- (iii) Công nợ không phân bổ chủ yếu bao gồm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, phải trả người lao động, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và trái phiếu và quỹ khen thưởng phúc lợi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC CAM KẾT

Cam kết về thuê hoạt động

Công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, cam kết về tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	698.890.632	698.890.632
Từ 1 – 5 năm	2.795.562.528	2.795.562.528
Trên 5 năm	66.177.783.681	72.949.585.726
TỔNG CỘNG	<u>69.672.236.841</u>	<u>76.444.038.886</u>

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê nhà kho theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản tiền thuê phải thu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	8.037.452.731	12.570.105.456
Từ 1 – 5 năm	2.389.909.091	7.671.270.914
TỔNG CỘNG	<u>10.427.361.822</u>	<u>20.241.376.370</u>

Cam kết khác

Công ty và Công ty An Cường đã ký kết thỏa thuận nhận cấp phép bản quyền một số sản phẩm ván sàn với một đối tác doanh nghiệp (bên cấp phép). Theo đó, Công ty đảm bảo vô điều kiện cho bên cấp phép việc thanh toán số tiền bản quyền hàng kỳ trong trường hợp Công ty An Cường không hoàn thành nghĩa vụ trong thời hạn hoặc không trả bất kỳ khoản tiền chưa thanh toán nào khác.

Các khoản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp tài sản với các ngân hàng thương mại

Công ty đã ký Thư bảo lãnh với Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam cam kết bảo lãnh cho khoản vay của Công ty Cổ phần An Tiên Industries. Theo đó, Công ty cam kết về việc thanh toán toàn bộ tất cả các nghĩa vụ trực tiếp và các nghĩa vụ ngoài dự kiến mà công ty An Tiên Industries đang nợ nhưng không có khả năng thanh toán khi đến hạn theo quy định tại Hợp đồng tín dụng. Tổng cam kết theo thư bảo lãnh giới hạn ở mức 81.600.000.000 VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Đỗ Hoài Linh
Người lập



Nguyễn Thị Thùy Vân
Kế toán trưởng



Hòa Thị Thu Hà
Phó Tổng Giám đốc

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024